|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH ĐẮK LẮK  **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  Số: /HD-SGDĐT | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Đắk Lắk, ngày tháng 7 năm 2021* |

# HƯỚNG DẪN

**Triển khai việc bổ nhiệm, xếp lương đối với chức danh nghề nghiệp**

**viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non,**

**phổ thông công lập và cao đẳng sư phạm công lập**

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục trung học cơ sở công lập;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 35/2020/TT-BGDĐT ngày 01/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lượng đối với viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm công lập;

*(Sau đây viết tắt là Thông tư số 01, Thông tư số 02, Thông tư số 03, Thông tư số 04, Thông tư số 35)*;

Thực hiện Công văn số 1275/UBND-TH ngày 08/2/2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện các Thông tư của Bộ Giáo dục và đào tạo; Công văn số 399/SNV-CCVC ngày 08/3/2021 của Sở Nội vụ về việc thỏa thuận bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức; Công văn số 971/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 12/3/2021 về việc triển khai mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập;

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị rà soát Đề án vị trí việc làm, lập phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, cao đẳng sư phạm thuộc thẩm quyền quản lý và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, cụ thể như sau:

1. Đối với giáo viên mầm non

1.1. Viên chức đã được bổ nhiệm vào các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non theo quy định tại Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non (hết hiệu lực ngày 20/3/2021) nếu đạt các tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư số 01 thì được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, như sau:

a) Giáo viên mầm non hạng IV, mã số V.07.02.06 được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III, mã số V.07.02.26 (áp dụng hệ số lương của viên chức loại A0, từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89);

b) Giáo viên mầm non hạng III, mã số V.07.02.05 được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III, mã số V.07.02.26 (áp dụng hệ số lương của viên chức loại A0, từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89);

c) Giáo viên mầm non hạng II, mã số V.07.02.04 được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II, mã số V.07.02.25 (áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98);

1.2. Giáo viên mầm non hạng IV (mã số V.07.02.06) chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 72 Luật Giáo dục 2019 thì giữ nguyên mã số V.07.02.06 và áp dụng hệ số lương của viên chức loại B (từ hệ số lương 1,86 đến hệ số lương 4,06) cho đến khi đạt trình độ chuẩn được đào tạo thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26) hoặc cho đến khi nghỉ hưu nếu không thuộc đối tượng phải nâng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (sau đây gọi tắt là Nghị định số 71).

1.3. Giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.04) chưa đạt các tiêu chuẩn của hạng tương ứng theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 01 thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.26). Sau khi đạt các tiêu chuẩn của hạng II (mã số V.07.02.25) thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.25) mà không phải thông qua kỳ thi hoặc xét thăng hạng.

2. Đối với giáo viên tiểu học

2.1. Viên chức đã được bổ nhiệm vào các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập (hết hiệu lực ngày 20/3/2021) nếu đạt các tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư số 02 thì được bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học, như sau:

a) Giáo viên tiểu học hạng IV, mã số V.07.03.09 được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III, mã số V.07.03.29 (áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98);

b) Giáo viên tiểu học hạng III, mã số V.07.03.08 được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III, mã số V.07.03.29 (áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98);

c) Giáo viên tiểu học hạng II, mã số V.07.03.07 được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II, mã số V.07.03.28 (áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.2, từ hệ số lương 4,00 đến hệ số lương 6,38);

2.2. Giáo viên tiểu học hạng IV (mã số V.07.03.09) chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên tiểu học theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 72 Luật Giáo dục 2019 thì giữ nguyên mã số V.07.03.09 và áp dụng hệ số lương của viên chức loại B (hệ số từ 1,86 đến 4,06) cho đến khi đạt trình độ chuẩn được đào tạo thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29) hoặc cho đến khi nghỉ hưu nếu không thuộc đối tượng phải nâng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Nghị định số 71.

2.3. Giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.08) chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên tiểu học theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 72 Luật Giáo dục 2019 thì giữ nguyên mã số V.07.03.08 và áp dụng hệ số lương của viên chức loại A0 (hệ số từ 2,10 đến 4,89) cho đến khi đạt trình độ chuẩn được đào tạo thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29) hoặc cho đến khi nghỉ hưu nếu không thuộc đối tượng phải nâng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Nghị định số 71.

2.4. Giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.07) chưa đạt các tiêu chuẩn của hạng tương ứng theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 02 thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.29). Sau khi đạt các tiêu chuẩn của hạng II (mã số V.07.03.28) thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.28) mà không phải thông qua kỳ thi hoặc xét thăng hạng.

3. Đối với giáo viên trung học cơ sở

3.1. Viên chức đã được bổ nhiệm vào các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở theo quy định tại Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập (hết hiệu lực ngày 20/3/2021) nếu đạt các tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư số 03 thì được bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, như sau:

a) Giáo viên trung học cơ sở hạng III, mã số V.07.04.12 được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III, mã số V.07.04.32 (áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98);

b) Giáo viên trung học cơ sở hạng II, mã số V.07.04.11 được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II, mã số V.07.04.31 (áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.2, từ hệ số lương 4,00 đến hệ số lương 6,38);

c) Giáo viên trung học cơ sở hạng I, mã số V.07.04.10 được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I, mã số V.07.04.30 (áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.1, từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78).

3.2. Giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.12) chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên trung học cơ sở theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 72 Luật Giáo dục 2019 thì giữ nguyên mã số V.07.04.12 và áp dụng hệ số lương của viên chức loại A0 (từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89) cho đến khi đạt trình độ chuẩn được đào tạo thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32) hoặc cho đến khi nghỉ hưu nếu không thuộc đối tượng phải nâng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Nghị định số 71.

3.3. Giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.11) chưa đạt các tiêu chuẩn của hạng tương ứng theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 03 thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.32). Sau khi đạt các tiêu chuẩn của hạng II (mã số V.07.04.31) thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31) mà không phải thông qua kỳ thi hoặc xét thăng hạng.

3.4. Giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số V.07.04.10) chưa đạt các tiêu chuẩn của hạng tương ứng theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 03 thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.31). Sau khi đạt các tiêu chuẩn của hạng I (mã số V.07.04.30) thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số V.07.04.30) mà không phải thông qua kỳ thi hoặc xét thăng hạng.

4. Đối với giáo viên trung học phổ thông

Viên chức đã được bổ nhiệm vào các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông theo quy định tại Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập (hết hiệu lực ngày 20/3/2021) nay được xếp hạng chức danh nghề nghiệp tương theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 04, như sau:.

a) Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số V.07.05.15 (áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98);

b) Giáo viên trung học phổ thông hạng II, mã số V.07.05.14 (áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.2, từ hệ số lương 4,00 đến hệ số lương 6,38);

c) Giáo viên trung học phổ thông hạng I, mã số V.07.05.13 (áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.1, từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78).

**5. Đối với giảng viên cao đẳng sư phạm**

Viên chức đã được bổ nhiệm vào các hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy tại trường cao đẳng sư phạm công lập theo quy định tại Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập, nếu đạt các tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư số 35 thì được bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao đẳng sư phạm, như sau:

a) Giảng viên cao đẳng sư phạm cao cấp (hạng I), mã số V.07.08.20 đối với viên chức hiện đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I), mã số V.07.01.01 hoặc tương đương (áp dụng hệ số lương của viên chức loại A3, từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00);

b) Giảng viên cao đẳng sư phạm chính (hạng II), mã số V.07.08.21 đối với viên chức hiện đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02 hoặc tương đương (áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78);

c) Giảng viên cao đẳng sư phạm (hạng III), mã số V.07.08.22 đối với viên chức hiện đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03 hoặc tương đương (áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98);

Việc xếp lương CDNN được thực hiện khi viên chức đã được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm vào CDNN quy định tại Thông tư 35/2020/TT-BGDĐT và thực hiện xếp lương theo hướng dẫn tại khoản 1 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25/5/2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức và theo quy định hiện hành của pháp luật.

6. Một số lưu ý

a) Việc bổ nhiệm vào các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên, giảng viên ở các cơ sở giáo dục phải đúng người đúng việc, bảo đảm đủ các yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ở từng hạng.

b) Yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên, giảng viên hạng III áp dụng đối với:

(1) giáo viên mầm non, tiểu học được tuyển dụng sau ngày Thông tư số 01, 02 có hiệu lực thi hành và giáo viên mầm non hạng III cũ được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III mới, giáo viên tiểu học hạng III cũ được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III mới;

(2) giáo viên trung học cơ sở, trung học phổ thông được tuyển dụng sau ngày Thông tư số 03, 04 có hiệu lực thi hành.

*(3)* giảng viên cao đẳng sư phạm (hạng III) quy định tại điểm c Điều 4 Thông tư số 35 được tuyển dụng sau ngày Thông tư số 35 có hiệu lực thi hành.

Những trường hợp không thuộc đối tượng nêu trên thì chưa yêu cầu bổ sung  
chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III theo quy định.

c) Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp có giá trị thay thế trong trường hợp giáo viên mầm non, phổ thông công lập, giảng viên cao đẳng thay đổi chức danh nghề nghiệp ở cùng hạng (giáo viên ở cấp học này chuyển sang cấp học khác cùng hạng chức danh nghề nghiệp).

d) Theo quy định tại các Thông tư số 01, 02, 03, 04, 35; chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II, hạng III; giáo viên tiểu học hạng II, hạng III; giáo viên trung học cơ sở hạng I, hạng II; giáo viên trung học phổ thông hạng I, hạng II quy định tại các Thông tư liên tịch số 20, 21, 22, 23 (hết hiệu lực ngày 20/3/2021) và Thông tư liên tịch số 36 được công nhận là tương đương với chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng tương ứng quy định tại các Thông tư số 01, 02, 03, 04, 35.

Do đó, trường hợp giáo viên mầm non, phổ thông công lập, giảng viên đã có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của hạng cao hơn hạng hiện giữ thì sẽ được sử dụng trong việc thăng hạng sau này, đồng thời cần bổ sung chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của hạng hiện giữ (nếu còn thiếu) để được bổ nhiệm vào hạng tương ứng theo quy định mới.

Ví dụ: Giáo viên trung học phổ thông hạng II chưa có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng II nhưng đã có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng I, thì phải bổ sung chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng II để bảo đảm đủ điều kiện theo quy định; còn chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng I giáo viên đã có sẽ được sử dụng để đăng kí dự thi/xét thăng hạng từ hạng II lên hạng I.

7. Hồ sơ đề nghị chuyển xếp chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức, gồm:

- Văn bản đề nghị của đơn vị kèm theo danh sách đề nghị chuyển xếp chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức (có các Phụ lục kèm theo).

- Hồ sơ cá nhân của từng viên chức: Quyết định tuyển dụng; quyết định bổ nhiệm vào ngạch; quyết định nâng bậc lương gần nhất; văn bằng, chứng chỉ có liên quan (chuyên môn, chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với hạng được chuyển xếp nếu có).

Hồ sơ đề nghị chuyển xếp chức danh nghề nghiệp đề nghị các đơn vị sắp xếp theo hồ sơ cá nhân; theo thứ tự từng hạng I, II, III và theo thứ tự họ và tên kèm Phụ lục II.

**8. Trường hợp khác**

Đối với giáo viên, giảng viên trước đây chưa được bộ nhiệm CDNN và xếp lương theo quy định tại các Thông tư liên tịch số 20, 21, 22, 23 và 35 (Ví dụ: hiện nay còn giữ mã số 15.113, 15C.207, 15a.202,…) theo cấp học, đề nghị lập danh sách riêng và kèm theo hồ sơ *(theo quy định tại mục 7 Hướng dẫn này)* để tổng hợp trình Sở Nội vụ để thoả thuận theo quy định.

**9. Tổ chức thực hiện**

Các đơn vị tổ chức tuyên truyền, phổ biến đầy đủ các Thông tư có liên quan của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định mã số, tiêu chuẩn CDNN và bổ nhiệm, xếp lương viên chức đến toàn thể viên chức, giáo viên, giảng viên thuộc các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, trường cao đẳng sư phạm thuộc thẩm quyền quản lý; không tạo ra tâm lý lo lắng khi chưa được bổ nhiệm và xếp lương theo quy định mới; giải đáp kịp thời các thắc mắc của giáo viên, giảng viên *(nếu có).*

Xây dựng phương án triển khai thực hiện mã số, tiêu chuẩn CDNN và rà soát điều kiện, tiêu chuẩn, vị trí việc làm của viên chức là các giáo viên mầm non, tiểu học, trung học phổ thông và giảng viên cao đẳng sư phạm đủ điều kiện, tiêu chuẩn để bổ nhiệm, xếp lương. Tổng hợp số lượng giáo viên, giảng viên cần bổ sung các tiêu chuẩn còn thiếu của hạng CDNN tương ứng *(trong đó có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN đối với giáo viên mới tuyển dụng đã hết thời gian tập sự)*; hướng dẫn và tạo điều kiện cho giáo viên, giảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng, hoàn thiện tiêu chuẩn còn thiếu *(nên ưu tiên bố trí những giáo viên, giảng viên còn ít năm công tác tính đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định tham gia trước)*.

Đề nghị các đơn vị khẩn trương tổ chức thực hiện các nội dung tại Hướng dẫn này và lập phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, cao đẳng sư phạm thuộc thẩm quyền quản lý để sớm hoàn thành việc chuyển xếp chức danh nghề nghiệp cho giáo viên. Hồ sơ (theo mục 7 Hướng dẫn này) gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Tổ chức cán bộ - Chính trị, tư tưởng) chậm nhất trước ngày 25/7/2021.

Trên đây là hướng dẫn chuyển xếp chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và cao đẳng sư phạm. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo (qua Phòng Tổ chức cán bộ - Chính trị, tư tưởng; liên hệ ông Trần Cao Lin: 0935 129 708) để phối hợp, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * Sở Nội vụ (để báo cáo); * Các đơn vị trực thuộc Sở; * Đăng trên Webssite Sở; * Lưu: VT, TCCB-CTTT. | **GIÁM ĐỐC**  **Phạm Đăng Khoa** |